

PHỤ LỤC II

Biểu số 3: Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.

(Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MST: 0100101509

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2021

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Đánh giá chung:

Tổng công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Quyết định của Ủy ban giao cho trong điều kiện kinh tế - xã hội nước ta có những thuận lợi và khó khăn đan xen. Kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm, nhiều nền kinh tế lớn đang trong tình trạng suy giảm tốc độ tăng trưởng; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc vẫn tiếp diễn, giá dầu thô và các thị trường chứng khoán lớn trên thế giới sụt giảm mạnh.

Đặc biệt là dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút COVID-19 bùng phát mạnh trên toàn cầu, đã tác động tiêu cực đến kinh tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới... trong nước, kinh tế vĩ mô tương đối ổn định nhưng phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, nhiều lĩnh vực kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng, hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ bị co hẹp, thiếu nguyên, nhiên, phụ liệu phục vụ sản xuất, biên giới bị đóng cửa, hàng hóa đóng băng không xuất khẩu được... tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm tăng cao, bên cạnh đó, thời tiết những tháng đầu năm không thuận lợi, hạn hán, xâm nhập mặn diễn ra sớm, làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng vườn cây.

Giá cà phê giảm sâu dưới giá thành kéo dài từ cuối 2017 cho đến nay và giá bán chỉ ở quanh mốc 31 triệu đồng - 32 triệu đồng /tấn Cà phê nhân, có thời điểm giá xuất khẩu giảm xuống đáy 1.073 USD/ tấn tương đương 24,77 triệu đồng/tấn, giá bán đã thấp hơn giá thành sản xuất từ 5-8 triệu đồng/tấn; đã làm cho kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty cũng như các đơn vị thành viên không có hiệu quả, nhiều đơn vị thua lỗ 3 năm liên tục. Do vậy, dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty năm 2020 không đạt được như kế hoạch được giao.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020:

a. Về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp:

Sự biến đổi bất thường của khí hậu, mưa, nắng kéo dài không theo quy luật đã làm ảnh hưởng rất lớn đến năng suất, chất lượng vườn cây. Vụ 2020-2021 nhiều khu

vực bị cắt mưa sớm (khoảng tháng 8 âm lịch) làm cho một số Đơn vị trước đây chỉ tưới cho Cà phê từ 3-4 lần/năm nay phải tưới tăng lên 8-9 lần/năm, gây mất mùa bình quân từ 20-25% so với vụ trước.

Tình hình thời tiết khô hạn kéo dài, đã làm tăng nhiều chi phí, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất, chất lượng vườn cây; cuối năm 2020 vào vụ thu hoạch cà phê gặp mưa bão tại Miền Trung và Bắc Tây Nguyên (cuối tháng 10 – 11/2020), diện tích cà phê bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 9, gây khó khăn trong thu hoạch và đã làm ảnh hưởng lớn đến việc chế biến tỷ lệ hạt loại R1 trên sàng 16 rất thấp.

Đối với lĩnh vực sản xuất Nông nghiệp: Hiện nay, toàn Tổng công ty có khoảng 2/3 diện tích cà phê già cỗi trồng từ những năm 1984 - 1985 đến nay đã hết chu kỳ kinh doanh, năng suất thấp, chất lượng kém cần phải thanh lý để trồng tái canh Cà phê, tuy nhiên nguồn vốn đầu tư cho tái canh hiện nay vay ngân hàng rất khó khăn; và diện tích trong thời kỳ KTCB (tương đương khoảng 10.000 ha) trong thời gian 5 năm vườn cây KTCB sẽ chưa có sản phẩm để thu hoạch.

b. Về lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Xuất khẩu: Số lượng Cà phê nhân xuất khẩu đạt: 14.000 tấn cà phê nhân, đạt 70 % KH, bằng 32,43% so với năm 2019; Kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 20,5 triệu USD/36 triệu USD, đạt 57% KH bằng 41% so với năm 2019;

- Nhập khẩu: Tình hình nhập khẩu và kinh doanh phân bón của Vinacafe Quy Nhơn cũng gặp nhiều khó khăn, do diễn biến giá cả của thị trường phân bón các loại trong nước diễn biến khó lường, tiềm ẩn nguy cơ thua lỗ lớn. Năm 2020 Tổng công ty không thực hiện nhập khẩu phân bón mà chỉ kinh doanh mua, bán nội địa.

- Dịch vụ chế biến: Năm 2020, sản lượng dịch vụ chế biến qua kho, đóng conts 25.000/45.000 tấn đạt 55,5% kế hoạch cả năm 2020, doanh thu 95 tỷ đồng/110 tỷ đồng đạt 86,36% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế 1,0 tỷ đồng đạt 16,66% kế hoạch. Hàng hóa thành phẩm chế biến được thực hiện đáp ứng yêu cầu về chất lượng và phẩm cấp của khách hàng, tạo niềm tin đối với khách hàng đến với Trung tâm XNK Vinacafe.

- Sản xuất - kinh doanh cà phê rang xay và cà phê hòa tan 3in1: năm 2020 chế biến và tiêu thụ được 19/50 tấn cà phê các loại. Hiệu quả sản xuất kinh doanh cà phê rang xay và cà phê hòa tan 3in1 chưa cao do sản phẩm mới, thị trường nhỏ hẹp, chưa được người tiêu dùng biết đến nhiều, dẫn đến giá thành sản xuất còn cao, không đủ sức cạnh tranh, việc tiếp thị, quảng cáo, khuyến mại và các hình thức chăm sóc khách hàng chưa được thỏa đáng, dẫn đến sản lượng tiêu thụ thấp.

c. Các chỉ tiêu tài chính.

* Toàn Tổng công ty:

- Doanh thu: 1.543 tỉ đồng/2.983,7 tỉ đồng, đạt 51,7% KH
- Lợi nhuận thực hiện: lỗ 74 tỉ đồng (giảm 78% so với lỗ phát sinh năm 2019).
- Nộp NSNN: 47,6 tỉ đồng/55,7 tỉ đồng, đạt 85,4% KH.

* Trong đó Công ty mẹ:

- Doanh thu: 1.016 tỉ đồng/2.318 tỉ đồng, đạt 43,8 % KH.
- Lợi nhuận thực hiện: lãi 1,794 tỉ đồng.
- Nộp NSNN: 9,84 tỉ đồng/35,6 tỉ đồng, đạt 85% KH.

d. Đầu tư phát triển.

Trong năm 2020, Tổng công ty đã đầu tư 188,2 tỷ đồng, trong đó đầu tư cho nông nghiệp đạt 184,2 tỷ đồng, đầu tư xây dựng công trình đạt 4,0 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ đã đầu tư 50,88 tỷ đồng, đầu tư cho nông nghiệp đạt 49,5 tỷ đồng, đầu tư xây dựng công trình đạt 1,38 tỷ đồng:

+ Đối với đầu tư nông nghiệp: Tổng công ty tập trung đầu tư cho công tác trồng tái canh Cà phê. Do không vay vốn được ngân hàng nên kế hoạch đầu tư phát triển tái canh vườn cây toàn Tổng công ty chỉ đạt 71,0% so với kế hoạch. Trong đó, Công ty mẹ đạt 24,3% so với kế hoạch.

+ Đối với đầu tư xây dựng công trình: tập trung đầu tư các công trình phục vụ sản xuất như: nhà kho, sân phơi,... các công trình thủy lợi như: sửa chữa, nâng cấp hồ đập, hệ thống kênh mương, trạm bơm để phục vụ công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất.

Bảng số 1: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

STT	CHỈ TIÊU	DVT	NĂM 2020		
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/ KH (%)
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP				
1	Tổng diện tích Cà phê	ha	16.579,0	16.300,0	98,30%
1.1	Cà phê đang kinh doanh	ha	10.787,0	10.529,0	97,60%
1.2	Cà phê KTCB	ha	5.792,0	5.771,0	99,60%
1.3	Sản lượng Cà phê (nhân xô)	Tấn	27.088,0	23.707,0	87,52%
1.4	Năng suất	Tấn/ha	2,5	2,3	92,00%
2	Cao su	ha	1.343,5	1.531,8	114,00%
2.1	Đang kinh doanh	ha	1.312,6	1.300,0	99,00%
2.2	Cao su mù khô	Tấn	1.668,3	1.833,0	109,80%
3	Lúa nước	ha	3.928,3	4.063,5	103,40%
3.1	Lúa thương phẩm	ha	3.794,3	3.829,0	100,90%
-	Năng suất	Tấn/ha	6,5	6,3	96,90%
-	Sản lượng	Tấn	24.501,0	24.112,0	98,40%



Handwritten signature or mark.

3.2	Lúa Lai	ha	134,0	234,0	174,60%
-	Năng suất	Tấn/ha	3,0	3,0	100,00%
-	Sản lượng	Tấn	402,0	705,0	175,30%
II	KINH DOANH THƯƠNG MẠI				
1	Kinh doanh Xuất nhập khẩu				
1.1	Cà phê xuất khẩu	tấn	20.000,0	14.000,0	70%
1.2	Phân bón nhập khẩu các loại	tấn	12.000,0	-	0,00%
1.3	Kim ngạch XNK	Tr.USD	36,0	20,5	56,90%
2	Kinh doanh Dịch vụ - Chế biến	tấn			
2.1	Cà phê KD dịch vụ chế biến	tấn	45.000,0	25.000,0	55,50%
2.2	Cà phê rang xay + 3in1	tấn	50,0	19,0	38,00%
III	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU				
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	tỉ đồng	2.983,7	1.543,0	51,71%
2	Lợi nhuận thực hiện trước thuế	tỉ đồng	15,0	(74,0)	
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	tỉ đồng	12,0		
4	Phải nộp NSNN trong năm	tỉ đồng	55,7	47,6	85,40%
5	Vốn nhà nước bình quân năm	tỉ đồng	1.050,0	983,3	93,60%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn NN bình quân	%	0,04		
IV	LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng số người lao động	người	25.783,0	25.602,0	99,30%
1.1	Công nhân trực tiếp sản xuất	người	24.800,0	24.715,0	99,70%
1.2	Lao động gián tiếp	người	890,0	798,0	89,70%
	<i>Tr.đó CB Công đoàn chuyên trách</i>	<i>người</i>	<i>9,0</i>	<i>9,0</i>	<i>100,00%</i>
1.3	Người quản lý doanh nghiệp	người	93,0	89,0	95,70%
2	Quỹ lương:				
2.1	Tổng quỹ lương lao động gián tiếp	Tr.đồng	73.529,0	67.474,0	91,80%
2.2	Quỹ lương của người quản lý DN	Tr.đồng	10.471,0	9.863,0	94,20%
3	Mức lương bình quân người/ tháng				
3.1	Lao động gián tiếp	Tr.đồng	6,9	7,1	102,50%
3.2	Người quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	9,4	9,2	98,50%
V	ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN				
1	Tổng mức đầu tư	tỉ đồng	264,9	188,2	71,00%
1.1	Nông nghiệp	tỉ đồng	244,0	184,2	75,40%
1.2	Đầu tư xây dựng công trình	tỉ đồng	20,9	4,0	19,10%

* Nguyên nhân không đạt chỉ tiêu lợi nhuận 2020:

- Từ cuối năm 2019 đến nay, thị trường Cà phê bị ảnh hưởng rất lớn của đại dịch COVID-19 đã làm cho giá Cà phê càng giảm mạnh hơn. Nguyên nhân, do các nước tiêu thụ Cà phê lớn trên thế giới như: Mỹ, Đức, Anh, Ý, Pháp, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc... đang thực hiện giãn cách xã hội, các trung tâm

thương mại lớn, các quán Cà phê đóng cửa, người tiêu dùng hạn chế ra ngoài cũng làm cho việc tiêu thụ Cà phê chậm lại.

- Giá bán đã thấp hơn giá thành sản xuất từ 5-8 triệu đồng/tấn; giá xuất khẩu giảm xuống đáy 1.073 USD/ tấn, tương đương 24,77 triệu đồng/ tấn - đây là mức thấp nhất trong vòng 15 năm qua; trong khi giá thành sản xuất bình quân là 35 triệu đồng/ tấn. Làm cho hiệu quả SXKD hầu hết các đơn vị sản xuất nông nghiệp cũng như các đơn vị kinh doanh, dịch vụ chế biến, xuất nhập khẩu không đạt được kế hoạch đề ra.

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu, trong đó có vùng Tây Nguyên là địa bàn hoạt động chủ yếu của ngành cà phê và Tổng công ty: mùa khô thì thiếu nước tưới, hạn hán kéo dài làm tăng chi phí tưới nước; mùa mưa kéo dài và tăng lượng mưa đột biến làm ảnh hưởng tới quá trình chăm sóc vườn cây, không bón được phân theo đúng quy trình kỹ thuật làm ảnh hưởng tới quá trình sinh trưởng phát triển của vườn cây, vào vụ thu hoạch cà phê gặp mưa bão miền Trung và Bắc Tây Nguyên (cuối tháng 10 – 11/2020), làm giảm năng xuất và chất lượng sản phẩm dẫn tới cũng làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

Tất cả các dự án của Tổng công ty thực hiện đầu tư đều thuộc các dự án Nhóm C. Chủ yếu tập trung đầu tư tái canh vườn cây cà phê già cỗi, đối với đầu tư xây dựng công trình: tập trung đầu tư các công trình phục vụ sản xuất như: nhà kho, sân phơi,... các công trình thủy lợi như: sửa chữa, nâng cấp hồ đập, hệ thống kênh mương, trạm bơm để phục vụ công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất.

Trong năm 2020, Các Công ty con đã đầu tư 137,3 tỷ đồng, trong đó đầu tư cho nông nghiệp đạt 134,6 tỷ đồng, đầu tư xây dựng công trình đạt 2,6 tỷ đồng.

Chủ yếu tập trung đầu tư tái canh vườn cây cà phê già cỗi, đối với đầu tư xây dựng công trình: tập trung đầu tư các công trình phục vụ sản xuất như: nhà kho, sân phơi,... các công trình thủy lợi như: sửa chữa, nâng cấp hồ đập, hệ thống kênh mương, trạm bơm để phục vụ công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

1. Đối với 27 Công ty TNHH một thành viên hạch toán độc:

- 11 đơn vị kinh doanh có lãi nhưng ở mức thấp,
- 01 đơn vị đang làm thủ tục phá sản Vinacafe Quảng Ngãi và 01 đơn vị giải thể đó là Vinacafe Ea Bá.
- 14 đơn vị kinh doanh thua lỗ, nguyên nhân do:

+ Nợ vay ngân hàng lớn nên hàng năm không có nguồn trả nợ gốc và lãi vay, chi phí tài chính (lãi, lãi phạt, phí) tăng cao; không vay được vốn để kinh doanh,....

+ Chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý và chi phí tài chính bình quân/ tấn có đơn vị gần 40 triệu đồng; cao hơn doanh thu bán hàng do giá bán bình quân khoảng 32 triệu đồng/ tấn cà phê nhân xô;

+ Một số đơn vị thuộc diện giải thể theo Văn bản 2252/TTg-ĐMDN gặp rất nhiều khó khăn trong việc ký hợp đồng khoán do người lao động chống đối không tiếp tục ký hợp đồng khoán mới, không nộp sản phẩm khoán; giá thành cao hơn nhiều so với giá bán; tình hình tài chính không an toàn, mất cân đối.

+ Việc này ảnh hưởng chung tới việc thu khoán của các đơn vị khác trên địa bàn dẫn tới các đơn vị này cũng có tỷ lệ ký hợp đồng khoán mới không cao, tỷ lệ thu hồi sản phẩm khoán mới chỉ đạt 40-60% so với phương án khoán trước đây, doanh thu không đủ bù đắp chi phí, dẫn tới kinh doanh thua lỗ.

2. Đối với các công ty Cổ phần chi phối:

Các công ty Cổ phần chi phối hoạt động cũng không hiệu quả do ảnh hưởng của dịch bệnh; doanh thu thấp, thu nhập không đủ bù đắp chi phí phát sinh

Bảng số 3: Tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các Công ty con do Công ty mẹ nắm cổ phần chi phối năm 2020.

Đơn vị: Tỷ đồng.

STT	Tên đơn vị	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của Công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi Nhuận	Lợi nhuận nộp về Công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tổng nợ phải trả
1	Các Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ								
1.1	Công ty TNHH MTV Cà phê EaSim	30,0	30,0	152,2	21,9	(10,0)	-	3,3	94,2
1.2	Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Thắng	26,0	35,1	50,8	6,4	(9,6)	-	4,4	22,4
1.3	Công ty TNHH MTV Cà phê Việt Đức	20,0	20,0	179,6	71,2	(16,9)	-	4,1	175,6
1.4	Công ty TNHH MTV Cà phê Ea H'Nin	23,0	24,3	38,9	0,8	(3,1)	-	1,9	48,3
1.5	Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Ktur	25,0	33,4	29,9	2,3	(1,4)	-	3,2	43,7
1.6	Công ty TNHH MTV Cà phê Chư Quynh	13,7	28,8	17,8	2,1	(1,5)	-	1,7	34,0
1.7	Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tiêu	10,0	10,0	40,8	21,1	0,0	-	2,0	18,3
1.8	Công ty TNHH MTV Cà phê Ea Tul	16,0	25,5	102,0	1,6	(1,4)	-	-	117,9
1.9	Công ty TNHH MTV Cà phê Đ'Rao	30,0	30,0	87,7	20,5	(1,9)	-	0,2	56,2

